

Số 696/TB-HV

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-HV ngày 05/03/2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 1192/QĐ-HV ngày 29/04/2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc phê duyệt Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026,

Căn cứ Quyết định số 1256/QĐ-HV ngày 07/05/2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026,

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 như sau:

A. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH:

1) CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (Mã trường: BVH)

Địa chỉ: Số 96A Trần Phú, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành theo Danh mục cấp IV	Số lượng dự kiến	Phương thức tuyển sinh
I	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÀI NĂNG – THẠC SĨ TÍCH HỢP CỬ NHÂN (*)					
1	8480101	Khoa học máy tính	8480101	Khoa học máy tính	30	<i>Xét tuyển thẳng và Phương thức tuyển sinh 5</i>
2	8480104	Hệ thống thông tin	8480104	Hệ thống thông tin	30	
3	8480202	An toàn thông tin	8480202	An toàn thông tin	30	
4	8520208	Kỹ thuật viễn thông	8520208	Kỹ thuật viễn thông	30	
5	8520203	Kỹ thuật điện tử	8520203	Kỹ thuật điện tử	30	
II	NGÀNH/CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ					
1	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	410	<i>Phương thức tuyển sinh: 1, 2, 3, 4, 5 Tổ hợp xét tuyển: A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh;</i>
2	7520207_AIoT	Trí tuệ nhân tạo vạn vật (AIoT)	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	90	

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành theo Danh mục cấp IV	Số lượng dự kiến	Phương thức tuyển sinh	
3	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	80	X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.	
4	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	260		
5	7510301_MBD	Công nghệ vi mạch bán dẫn	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	175		
6	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	600		
7	7480107	Trí tuệ nhân tạo	7480107	Trí tuệ nhân tạo	160		
8	7480202	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	200		
9	7480101	Khoa học dữ liệu	7480101	Khoa học máy tính	160		
10	7480102	Kỹ thuật dữ liệu	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	135		
11	7320101	Báo chí	7320101	Báo chí	100		<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.
12	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	120		
13	7329001	Công nghệ đa phương tiện	7329001	Công nghệ đa phương tiện	260		
14	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	170		
15	7340101_LOG	Logistics và quản trị chuỗi cung ứng	7340101	Quản trị kinh doanh	80		
16	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	180		
17	7340115	Marketing	7340115	Marketing	240		
18	7340115_QHC	Quan hệ công chúng	7340115	Marketing	110		
19	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	200		
20	7340205	Công nghệ tài chính (Fintech)	7340205	Công nghệ tài chính	160		
21	7340201_DAT	Phân tích dữ liệu trong tài chính, kinh doanh	7340201	Tài chính ngân hàng	110		
CÁC CHƯƠNG TRÌNH TUYỂN SINH MỚI TỪ NĂM 2026							
22	7340101_DSK	Quản trị Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	50	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.	
23	7340101_LTT	Logistics trong kinh tế tầm thấp	7340101	Quản trị kinh doanh	50		
24	7329001_VHO	Công nghệ công nghiệp văn hóa số (định hướng điện ảnh)	7329001	Công nghệ đa phương tiện	50		

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành theo Danh mục cấp IV	Số lượng dự kiến	Phương thức tuyển sinh
25	7329001 _ĐGA	Thiết kế đồ họa game	7329001	Công nghệ đa phương tiện	30	
26	7520207 _THV	Kỹ thuật Truyền thông Hàng không vũ trụ	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	50	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.
27	7520216 _UAV	UAV và Robot di động tự hành	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	50	
III CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO, ĐẶC THÙ						
1	7480201 _CLC	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	370	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.
2	7480202 _CLC	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	120	
3	7480201 _VNH	Công nghệ thông tin Việt - Nhật	7480201	Công nghệ thông tin	110	
4	7480201 _UDU	Công nghệ thông tin (<i>định hướng ứng dụng</i>)	7480201	Công nghệ thông tin	330	
5	7340301 _CLC	Kế toán (<i>chuẩn quốc tế ACCA</i>)	7340301	Kế toán	60	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.
6	7340115 _CLC	Marketing	7340115	Marketing	130	
7	7320104 _CLC	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	110	
8	7329001 _GAM	Thiết kế và phát triển Game	7329001	Công nghệ đa phương tiện	150	
IV CÁC CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ						
1	7480201 _LK	Công nghệ thông tin Liên kết với Đại học Macquarie, Australia)	7480201	Công nghệ thông tin	20	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.
2	7340205 _LK	Công nghệ tài chính (Liên kết đại học Huddersfield, Vương Quốc Anh)	7340205	Công nghệ tài chính	20	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.
3	7320104 _LK	Truyền thông Đa phương tiện (Liên kết với đại học Công nghệ Queensland, Úc	7320104	Truyền thông đa phương tiện	20	
4	7329001 _LK	Công nghệ Đa phương tiện (Liên kết với đại học Canberra, Australia)	7329001	Công nghệ đa phương tiện	20	

(*) Thông tin chi tiết về Tuyển sinh chương trình thạc sĩ tài năng (Thạc sĩ tích hợp) thuộc các lĩnh vực STEM theo Đề án đào tạo nguồn nhân lực của Chính phủ sẽ được Thông báo chi tiết riêng.

b) CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (Mã trường: BVS)

Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành, chương trình	Mã ngành	Tên ngành theo Danh mục	Số lượng dự kiến	Phương thức tuyển sinh
I CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÀI NĂNG – THẠC SĨ TÍCH HỢP CỬ NHÂN (*)						
1	8480104	Hệ thống thông tin	8480104	Hệ thống thông tin	30	Xét tuyển thẳng và Phương thức tuyển sinh 5
II NGÀNH, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ						
1	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	160	Phương thức tuyển sinh: 1, 2, 3, 4, 5 Tổ hợp xét tuyển: A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.
2	7520208	Công nghệ Internet vạn vật (IoT)	7520208	Công nghệ Internet vạn vật (IoT)	110	
3	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	135	
4	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	75	
5	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	280	
6	7480202	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	80	
7	7329001	Công nghệ đa phương tiện	7329001	Công nghệ đa phương tiện	155	Phương thức tuyển sinh: 1, 2, 3, 4, 5 Tổ hợp xét tuyển: A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.
8	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	90	
9	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	130	
10	7340115	Marketing	7340115	Marketing	115	
11	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	60	
CÁC CHƯƠNG TRÌNH TUYỂN SINH MỚI TỪ NĂM 2026						
12	7510301_MBD	Công nghệ vi mạch bán dẫn	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	60	Phương thức tuyển sinh: 1, 2, 3, 4, 5 Tổ hợp xét tuyển: A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.
13	7480107	Trí tuệ nhân tạo	7480107	Trí tuệ nhân tạo	115	
14	7480102	Kỹ thuật dữ liệu	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	110	

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành, chương trình	Mã ngành	Tên ngành theo Danh mục	Số lượng dự kiến	Phương thức tuyển sinh
15	7340205	Công nghệ tài chính (Fintech)	7340205	Công nghệ tài chính	115	<i>Phương thức tuyển sinh: 1, 2, 3, 4, 5</i> <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.
III CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO, ĐẶC THÙ						
1	7480201_CLC	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	120	<i>Phương thức tuyển sinh: 1, 2, 3, 4, 5</i> <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.
2	7480202_CLC	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	40	<i>Phương thức tuyển sinh: 1, 2, 3, 4, 5</i> <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.
3	7340115_CLC	Marketing	7340115	Marketing	80	<i>Phương thức tuyển sinh: 1, 2, 3, 4, 5</i> <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.

B. THÔNG TIN TUYỂN SINH:

1. Phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông sử dụng **05 phương thức tuyển sinh** như sau:

1.1. Phương thức 1: Xét tuyển tài năng

Xét tuyển tài năng gồm có:

- (1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Đối với các thí sinh đạt thành tích cao trong kỳ thi, cuộc thi cấp quốc gia hoặc quốc tế theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện (*có Thông báo chi tiết riêng*).
- (2) Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực (HSNL): Đối với các thí sinh có **một trong các điều kiện** như sau:
 - Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế (năm 2026, 2025, 2024) đối với các môn Toán, Vật lí, Hóa học hoặc Tin học;
 - Thí sinh đạt giải **Khuyến khích** hoặc đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia hoặc **đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp

Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) *hoặc* của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học (thí sinh được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào tất cả các ngành/chương trình) *hoặc* môn Tiếng Anh (được ĐKXT vào các ngành/ chương trình thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý, nhóm ngành Báo chí và Truyền thông) *hoặc* môn Ngữ văn (được ĐKXT vào ngành Báo chí hoặc ngành Truyền thông đa phương tiện). Thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm đăng ký dự tuyển;

- Là **học sinh chuyên** của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học) *hoặc* **hệ chuyên** thuộc các trường THPT trọng điểm quốc gia các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học (được ĐKXT vào tất cả các ngành/ chương trình) *hoặc* môn Tiếng Anh (được ĐKXT vào các ngành/ chương trình thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý, nhóm ngành Báo chí và Truyền thông) *hoặc* môn Ngữ văn (được ĐKXT vào ngành Báo chí và ngành Truyền thông đa phương tiện).

1.2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế (Chứng chỉ SAT/ACT)

Thí sinh có **Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế SAT từ 1130/1600** trở lên hoặc **ACT từ 25/36** trở lên, trong thời hạn 02 năm (tính đến ngày đăng ký dự tuyển).

1.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả trong các kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL), đánh giá tư duy (ĐGTD) của các đơn vị: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức.

Thí sinh có một trong các điều kiện sau đây:

- a) Thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội (TSA) năm 2026 **từ 50 điểm trở lên;**
- b) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội (HSA) năm 2026 **từ 75 điểm trở lên;**
- c) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (V-ACT) năm 2026 **từ 600 điểm trở lên;**
- d) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026 **từ 15 điểm trở lên.**

Ghi chú:

1. Đối với bài thi ĐGNL của Đại học quốc gia Hà Nội (HSA) thí sinh chọn:

- Phần 3 - Khoa học: Thí sinh bắt buộc chọn tổ hợp có 2 chủ đề là Vật lý và Hóa học

- Phần 3 - Tiếng Anh: Thí sinh chỉ được ĐKXT vào các ngành/chương trình thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý, nhóm ngành Báo chí và Truyền thông.

2. Đối với bài thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội thí sinh phải đăng ký thi các môn theo tổ hợp xét tuyển của Học viện.

1.4. Phương thức 4: Xét tuyển kết hợp giữa chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (chứng chỉ IELTS, TOEFL) với kết quả học tập ở bậc THPT

Thí sinh có **Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế** trong thời hạn (tính đến ngày đăng ký dự tuyển) đạt **IELTS 5.5** trở lên hoặc **TOEFL iBT 65** trở lên hoặc **TOEFL ITP 513** trở lên.

Ghi chú: Học viện **không chấp nhận** Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế có **Test Center** với hình thức là **Home Edition**.

1.5. Phương thức 5: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Thí sinh phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển tương ứng các ngành ĐKXT của Học viện.

2. Đối tượng tuyển sinh

2.1 Quy định chung:

- Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) là các thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định hoặc đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Học viện;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Học viện
- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

2.2. Đối tượng dự tuyển riêng của từng Phương thức xét tuyển:

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục 2.1 các yêu cầu về điều kiện dự tuyển riêng của từng Phương thức xét tuyển được quy định cụ thể ở mỗi Phương thức xét tuyển theo mục I.1. Phương thức tuyển sinh.

3. Phạm vi tuyển sinh (địa lý): Học viện tuyển sinh trên phạm vi cả nước và quốc tế (*thí sinh đăng ký xét tuyển vào Cơ sở đào tạo nào thì sẽ theo học tại Cơ sở đó – BVH hoặc BVS*).

4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- Đối với phương thức 5, Học viện công bố điểm ngưỡng đầu vào sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với các phương thức 1, 2, 3, 4 ngưỡng đầu vào là điều kiện dự tuyển riêng của từng Phương thức xét tuyển được quy định tại mục II.2 và đáp ứng yêu cầu về điều kiện nguồn tuyển theo Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với Chương trình Công nghệ vi mạch bán dẫn (*ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử*) ngưỡng đầu vào thực hiện theo Quyết định số 1314/QĐ-BGDĐT ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ và Quyết định số 2101/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ và các Hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy đổi tương đương ngưỡng điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển của cùng phương thức và cùng ngành/chương trình là bằng nhau (không có điểm chênh lệch).

- Điểm trúng tuyển được Học viện xác định cho từng ngành/chương trình.

- Quy tắc quy đổi điểm trúng tuyển tương đương giữa các phương thức tuyển sinh thực hiện theo hướng dẫn thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

6. Chính sách ưu tiên

a) Học viện thực hiện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Thông báo của Học viện, không giới hạn số lượng chỉ tiêu (có Thông báo riêng);

b) Chính sách ưu tiên về đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT. Cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm.

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2_NT) là 0,5 điểm, khu vực 2(KV2) là 0,25 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (áp dụng theo thang điểm 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được}^{(*)})/7,5] \times \text{Điểm ưu tiên theo QC (nếu có)}$$

(*) Tổng điểm đạt được là tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số) cộng với điểm cộng (nếu có). Nếu tổng điểm

đạt được vượt quá thang điểm xét thì sẽ được quy về điểm tối đa của thang điểm xét. Trường hợp các phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương theo thang điểm xét tuyển.

- Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp (thí sinh tốt nghiệp năm 2025 và năm 2026).

7. Điểm cộng

7.1. Điểm thưởng: Áp dụng đối với đối tượng đủ điều kiện Xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TT	Loại Giải đạt được	Điểm thưởng (theo thang điểm 30)
1	Giải Nhất cấp Quốc gia	3,00 điểm
2	Giải Nhì cấp Quốc gia	2,75 điểm
3	Giải Ba cấp Quốc gia	2,50 điểm

7.2. Điểm xét thưởng

- **Điều kiện xét thưởng:** Thí sinh đạt giải **Khuyến khích** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia *hoặc* đạt giải **Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) *hoặc* của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh các môn **Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học**.
- **Không áp dụng** đối với Phương thức Xét tuyển tài năng.
- Thí sinh chỉ được lựa chọn một (01) loại thành tích cao nhất.
- **Mức điểm xét thưởng:**

TT	Loại Giải đạt được	Điểm xét thưởng (theo thang điểm 30)
1	- Giải Khuyến khích cấp quốc gia - Giải Nhất	1,50 điểm
2	Giải Nhì	1,25 điểm
3	Giải Ba	1,00 điểm
4	Giải Khuyến khích	0,75 điểm

7.3. Điểm khuyến khích

- **Điều kiện xét thưởng:** Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL) còn trong thời hạn.
- **Không áp dụng** đối với Phương thức Xét tuyển tài năng (đối với thí sinh đã sử dụng Giải học sinh giỏi môn tiếng Anh).
- Thí sinh chỉ được lựa chọn một (01) loại chứng chỉ có thành tích cao nhất.
- **Mức điểm khuyến khích:**

TT	IELTS	TOEFL iBT	TOEFL ITP	Điểm KK (theo thang điểm 30)
1	7.0 – 9.0	Từ 94 điểm trở lên	Từ 627 điểm trở lên	1,50 điểm
2	6.5	86 – 93	591 – 626	1,00 điểm
3	6.0	72 – 85	546 – 590	0,75 điểm
4	5.5	46 – 71	500 – 545	0,50 điểm

7.4. Các mức Điểm cộng (Điểm thưởng, Điểm xét thưởng, Điểm khuyến khích) nêu trên được xác định theo thang điểm 30 và sẽ được quy đổi theo thang điểm tương ứng của từng Phương thức tuyển sinh và đảm bảo tổng Điểm cộng không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét.

7.5. Các thí sinh phải khai báo và đăng ký thông tin tuyển sinh thông qua đăng ký các Phương thức xét tuyển trên hệ thống xét tuyển trực tuyến của Học viện và kèm theo minh chứng mới được hưởng chính sách Điểm cộng nêu trên.

8. Chính sách học bổng

- **Học bổng đặc biệt:** năm 2026, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cấp tối đa 30 suất học bổng đặc biệt, giá trị mỗi suất học bổng tới 500 triệu đồng (gồm: học phí trong toàn thời gian học, chi phí ăn ở, kinh phí nghiên cứu khoa học, thực tập ở nước ngoài, kinh phí hỗ trợ từ doanh nghiệp đối tác và các hỗ trợ khác).

Đối tượng xét cấp học bổng đặc biệt là các thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán, Vật lý và Tin học; thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT từ 29,0 điểm trở lên (không bao gồm điểm cộng và điểm ưu tiên nếu có). Người được nhận học bổng đặc biệt phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy năm học liên tục đạt từ loại Giỏi trở lên trong thời gian học tập.

- **Học bổng toàn phần:** năm 2026, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cấp tối đa 50 suất học bổng toàn phần với giá trị học bổng tới 250 triệu đồng (tối đa bằng học phí toàn khóa học của chương trình chất lượng cao) cho các thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán, Vật lý và Tin học; thí sinh đoạt giải Nhất trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc

TW hoặc của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh các môn Toán, Vật lí và Tin học; thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT từ 28,5 điểm trở lên (không bao gồm điểm cộng và điểm ưu tiên nếu có). *Người được nhận học bổng toàn phần phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy năm học liên tục đạt từ loại Giỏi trở lên trong thời gian học tập.*

- **Học bổng bán phần:** năm 2026, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cấp tối đa **50 suất học bổng bán phần** với giá trị học bổng tới **100 triệu đồng** (tối đa bằng 100% học phí hai năm học đầu tiên của chương trình chất lượng cao) cho các thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán, Vật lí và Tin học; thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW hoặc của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh các môn Toán, Vật lí và Tin học; thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT từ 28,0 điểm trở lên (không bao gồm điểm cộng và điểm ưu tiên nếu có). *Người được nhận học bổng bán phần phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy năm học liên tục đạt từ loại Giỏi trở lên trong thời gian học tập.*
- **Học bổng miễn 100%** học phí trong năm học thứ nhất với **tối đa 100 suất** cho đối tượng là các thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế, quốc gia hoặc thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW hoặc của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh các môn Toán, Vật lí, Hóa và Tin học hoặc đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026;
- **Học bổng miễn 50%** học phí trong năm học thứ nhất với **tối đa 300 suất** cho đối tượng là các thí sinh đoạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi hoặc đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026;
- Ngoài ra, sinh viên còn có nhiều cơ hội để được nhận các xuất học bổng của các doanh nghiệp hàng đầu như Samsung (Hàn Quốc), Cowell Asia (Nhật Bản), Tập đoàn Điện lực Nhật Bản Yokogawa (Nhật Bản), Đại học Sydney (Úc), TEMIX (Italy), Bosch ...

Ghi chú: *Thí sinh chỉ được xét và cấp một Loại học bổng trong chính sách học bổng nêu trên; xét cấp học bổng thực hiện xét từ trên xuống cho đến hết số suất học bổng.*

C. CÁCH TÍNH ĐIỂM XÉT TUYỂN CỦA CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

1. Phương thức Xét tuyển tài năng: Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực (HSNL)

Điểm HSNL = Điểm HL + Điểm TT + Điểm cộng (nếu có) + Điểm UT (nếu có)

Trong đó:

- Điểm HSNL được quy đổi theo thang điểm 100;
 - Điểm học lực (Điểm HL) chiếm 60% (tối đa 60 điểm);
 - Điểm thành tích (Điểm TT) chiếm 40% (tối đa 40 điểm);
 - Điểm ưu tiên thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và được quy đổi theo thang điểm 100 tương ứng.
- **Điểm học lực (Điểm HL)** được tính bằng tổng của ba (03) điểm bình quân kết quả học tập ở năm học lớp 10, 11, 12 của ba (03) môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi của ngành đã đăng ký xét tuyển, cụ thể:

$$\text{Điểm HL} = [\text{Điểm BQ môn 1} + \text{Điểm BQ môn 2} + \text{Điểm BQ môn 3}] * 6/3$$

$$\text{với Điểm BQ môn} = [\text{Điểm năm lớp 10} + \text{Điểm năm lớp 11} + \text{Điểm năm lớp 12}] / 3$$

- **Điểm thành tích (Điểm TT)** được xác định cụ thể như sau:

TT	Thành tích	Điểm thành tích	Ghi chú
1.	- Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế - Giải Khuyến khích cấp quốc gia	40	
2.	Giải Nhất	35	
3.	Giải Nhì	30	
4.	Giải Ba	25	
5.	- Giải Khuyến khích - Thí sinh tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia	20	
6.	Học sinh chuyên (không có giải)	15	

Ghi chú: Thí sinh chỉ được lựa chọn một (01) loại thành tích cao nhất.

2. Xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế (chứng chỉ SAT/ACT)

Điểm xét tuyển (ĐXT) = điểm SAT/ACT + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

3. Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy

Điểm xét tuyển (ĐXT) = Điểm ĐGNL/ ĐGTD + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

4. Xét tuyển kết hợp giữa chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (chứng chỉ IELTS, TOEFL) với kết quả học tập ở bậc THPT

- Điểm xét tuyển (ĐXT) được tính bằng tổng của ba (03) điểm bình quân kết quả học tập ở năm học lớp 10, 11, 12 của ba (03) môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi đã đăng ký xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên, điểm cộng (nếu có);

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = [\text{Điểm BQ môn 1} + \text{Điểm BQ môn 2} + \text{Điểm BQ môn 3}] + \text{Điểm cộng (nếu có)} + \text{Điểm UT (nếu có)}.$$

Trong đó:

$$\text{Điểm BQ môn} = [\text{Điểm năm lớp 10} + \text{Điểm năm lớp 11} + \text{Điểm năm lớp 12}]/3$$

5. Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

$$\text{ĐXT} = \text{M1} + \text{M2} + \text{M3} + \text{Điểm cộng (nếu có)} + \text{Điểm UT (nếu có)}.$$

Trong đó: M1, M2, M3 là kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT của 03 bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển tương ứng các ngành/chương trình của Học viện.

TT	Ngành/ chương trình	Tổ hợp xét tuyển
1.	Các ngành/ chương trình thuộc nhóm ngành Kỹ thuật, nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật, nhóm ngành Máy tính và CNTT	A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.
2.	Các ngành/ chương trình thuộc nhóm ngành Kinh doanh và quản lý, nhóm ngành Báo chí và truyền thông	A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.

D. ĐĂNG KÝ THÔNG TIN TUYỂN SINH TRÊN HỆ THỐNG XÉT TUYỂN CỦA HỌC VIỆN

- Đối tượng:** Các thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào đại học hệ chính quy năm 2026 của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông ở các phương thức.
- Nội dung thực hiện:** Để phục vụ công tác xét tuyển năm 2026, các thí sinh đăng ký tài khoản sử dụng của hệ thống, khai báo các thông tin cá nhân, kết quả và thành tích học tập (kèm minh chứng như hướng dẫn tại Phụ lục 1), thực hiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển (tối đa 5 nguyện vọng) và khóa, nộp hồ sơ xét tuyển trên hệ thống (Hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 2).

Lưu ý:

- Thí sinh sau khi đăng ký thông tin xét tuyển trên hệ thống xét tuyển của Học viện vẫn phải đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch chung (Mục E).

- Thí sinh chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin và dữ liệu kê khai trên Hệ thống xét tuyển của Học viện. Học viện sẽ tiến hành hậu kiểm và xác thực thông tin sau khi thí sinh trúng tuyển và nhập học vào Học viện. Nếu phát hiện có bất kỳ sai sót, gian lận nào về thông tin và dữ liệu mà thí sinh đã kê khai trên hệ thống làm ảnh hưởng trực tiếp tới điểm số và kết quả xét tuyển của thí sinh, thí sinh sẽ bị hủy bỏ kết quả xét tuyển đã công bố và bị xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và quy chế tuyển sinh đại học của Học viện.

3. Địa chỉ đăng nhập Hệ thống xét tuyển: <https://xettuyen.ptit.edu.vn>

4. Thời gian: Từ ngày 15/5/2026 đến ngày 20/6/2026

5. Lệ phí xét duyệt hồ sơ: 100.000/hồ sơ (Thanh toán trực tuyến)

E. KHUNG KẾ HOẠCH XÉT TUYỂN TRÊN HỆ THỐNG HỖ TRỢ TUYỂN SINH CHUNG CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

a) Đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia từ ngày 02/7 đến 17h00 ngày 14/07/2026. Thí sinh được đăng ký *tối đa 15 nguyện vọng xét tuyển* và các nguyện vọng được xếp thứ tự từ 1 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh đăng ký nguyện vọng gồm các thông tin: *Thứ tự nguyện vọng; Mã trường; Tên trường; Mã ngành; Tên ngành/ chương trình.*

b) Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng đăng ký bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 15/7/2026 đến 17h00 ngày 21/7/2026.

c) Xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 13/8 đến 17h00 ngày 21/8/2026.

G. NGUYÊN TẮC XÉT TUYỂN

- Học viện xác định quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức xét tuyển theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GD&ĐT sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026;
- Thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng quy đổi của phương thức xét tuyển mới đủ điều kiện xét tuyển;
- Đối với một ngành/chương trình tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký;
- Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống và đảm bảo chất lượng tuyển sinh;

- Xét tuyển các nguyện vọng bình đẳng (không có điểm chênh lệch giữa các nguyện vọng trong cùng một ngành/ chương trình), nếu thí sinh không trúng tuyển nguyện vọng ở thứ tự ưu tiên thứ nhất (nguyện vọng 1) thì sẽ được tự động xét tuyển ở nguyện vọng ưu tiên thứ hai (nguyện vọng 2) và kế tiếp;
- Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký, khi đã trúng tuyển ở nguyện vọng nào thì không được xét tuyển tiếp ở nguyện vọng sau;
- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn. Học viện không sử dụng tiêu chí phụ riêng để xét tuyển;
- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời gian quy định theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT. Nếu quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem là từ chối nhập học;
- Các điều kiện khác thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

H. KÊNH THÔNG TIN HỖ TRỢ THÍ SINH

Thông tin chi tiết về tuyển sinh và các chương trình đào tạo thí sinh có thể xem và tham khảo tại Cổng thông tin điện tử, Cổng thông tin tuyển sinh, Cổng thông tin đào tạo của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông tại các địa chỉ:

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (mã trường BVH):

Phòng Đào tạo - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Địa chỉ: 96A, Trần Phú, Mộ Lao, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội

Website: <https://ptit.edu.vn> và <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>

Website ngành/ chương trình: <https://daotao.ptit.edu.vn>

Điện thoại: (024) 33528122, (024) 33512252

Fanpage: <https://facebook.com/ptittuyensinh>

Trang tư vấn trực tuyến: [Inbox trên trang Fanpage tuyển sinh hoặc trên cổng thông tin tuyển sinh](#)

Zalo: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (ID_1260203497642986925)

TikTok: https://www.tiktok.com/@kenhtuyensinh_ptit

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (mã trường BVS):

Phòng Đào tạo & KHCN Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở tại TP. HCM

Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Website: <https://ptithcm.edu.vn>

Điện thoại: (028) 38297220

Fanpage: <https://www.facebook.com/ptithochiminh>

Zalo: <https://zalo.me/ptithcm>

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông xin trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Tập thể LDHV (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc, các Phòng chức năng, các Trung tâm;
- Cơ sở Học viện tại Tp. HCM;
- Cổng thông tin điện tử, cổng thông tin tuyển sinh;
- Các cơ quan Báo chí;
- Lưu VT, ĐT(3).

KT. GIÁM ĐỐC ✓
PHÓ GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH
VIỄN THÔNG
PGS.TS. Trần Quang Anh

Hướng dẫn đăng ký thông tin xét tuyển trực tuyến:

